

DIỄN NGÔN TRIẾT LUẬN TRONG THƯỢNG ĐẾ THÌ CƯỜI CỦA NGUYỄN KHẢI

NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ^(*)

Thượng đế thì cười⁽¹⁾ là một trong những tác phẩm có giá trị của Nguyễn Khải. Ra đời năm 2003, sáng tác trong những năm cuối đời này nhanh chóng gây được sự chú ý của dư luận. Điểm đặc biệt ở tác phẩm mang xu hướng tự truyện được tiểu thuyết hóa này là chủ thể kể chuyện xưng “hắn” (chính là Nguyễn Khải), là cách triển khai theo hình thức tiểu thuyết nhưng mọi nhân vật, sự kiện đều có thật, trùng khớp với cuộc đời Nguyễn Khải. Xuyên suốt *Thượng đế thì cười*, Nguyễn Khải đã bộc bạch, bày tỏ tâm sự về cuộc đời cũng như hành trình viết văn của mình với những cái được và chưa được, với những thành công và thất bại, với niềm tin và những điều còn băn khoăn, trăn trở. Tác phẩm thể hiện rõ khuynh hướng triết luận với những phân tích, luận bàn sắc sảo mang tính triết lý của tác giả về nhân sinh, đời người, nghiệp văn, những vấn đề thời sự nóng hổi.

Trần Đình Sử trong *Khái niệm diễn ngôn trong nghiên cứu văn học hôm nay*⁽²⁾ và Nguyễn Thị Ngọc Minh trong *Ba cách tiếp cận khái niệm diễn ngôn*⁽³⁾ đều chú ý đến ba hướng tiếp cận diễn ngôn: của các nhà ngôn ngữ học, đại diện là nhà ngôn ngữ học cấu trúc F. de Saussure; của các nhà lý luận theo trường phái cấu trúc – ký hiệu học như G. Genette, Tz. Todorov, R. Barthes, Ju. Lotman; hướng nghiên cứu diễn ngôn theo phong cách học của M. Bakhtin; hướng nghiên cứu diễn ngôn của các nhà xã hội học, tiêu biểu là M. Foucault. Ba quan điểm tiếp cận này đều có sức lan tỏa và ảnh hưởng rất lớn đến gần như toàn bộ lý thuyết văn học và ngôn ngữ trong thế kỉ XX. Với lý thuyết diễn ngôn, từ việc nghiên cứu văn học như một lĩnh vực biệt lập, khép kín đã chuyển sang nghiên cứu văn học như một diễn ngôn đồng tồn tại trong một mạng lưới các diễn ngôn khác đầy đa dạng, phong phú, phức tạp.

(*) Th.S. - Khoa Ngữ văn và Văn hóa học, Đại học Đà Lạt.

Theo nghiên cứu của Trần Thiện Khanh trong bài viết *Bước đầu nhận diện diễn ngôn, diễn ngôn văn học, diễn ngôn thơ*⁽⁴⁾, có thể dựa vào một số tiêu chí nhất định để phân xuất diễn ngôn thành nhiều loại khác nhau. Bằng phương pháp loại hình, việc tìm hiểu diễn ngôn triết luận trong *Thượng đế thì cười* hướng đến nghiên cứu diễn ngôn theo phong cách chức năng. Theo đó, triết luận cũng được xem là một loại hình diễn ngôn bên cạnh những diễn ngôn khác như diễn ngôn khoa học, diễn ngôn chính luận, diễn ngôn truyền thông, diễn ngôn thông tin, ... Dựa vào hướng tiếp cận phong cách học của M. Bakhtin, có thể thấy, ngôn ngữ là một thực thể đa dạng, sống động, mang tính lịch sử, không phải là một hệ thống khép kín, trừu tượng. Bakhtin còn cho rằng: “diễn ngôn là ngôn ngữ trong chính thể sống động, cụ thể, là ngôn ngữ trong sử dụng, trong bối cảnh xã hội, của những giọng xã hội mâu thuẫn và đa tầng. (...) Diễn ngôn là mảnh đất giao cắt, hội tụ, tranh biện của những tư tưởng, quan niệm khác nhau về thế giới”⁽⁵⁾. Như vậy, chất triết luận trong *Thượng đế thì cười* thể hiện trong việc tác giả tiếp cận hiện thực đa diện, nhiều chiều với một phong cách rất riêng. Qua lối tư duy triết học, tác giả đã cho thấy sự luận bàn, tranh biện, thậm chí những mâu thuẫn trong tư tưởng về vấn đề thế sự, đạo đức, nhân sinh. Bên cạnh đó, bài viết cũng chú ý hướng tiếp cận diễn ngôn của M. Foucault, bởi văn học không chỉ được nhìn ở cấu trúc tĩnh tại của văn bản mà còn nhìn ở những mối liên hệ ngoài văn bản với những loại hình diễn ngôn khác cũng như sự chi phối của tư tưởng hệ, quyền lực, tri thức đến sự vận hành diễn ngôn.

1. Trường tri thức và quyền lực – các yếu tố chi phối diễn ngôn triết luận trong *Thượng đế thì cười*

Theo cách tiếp cận diễn ngôn xã hội học của Foucault, quyền lực và tri thức được xem là hai mối quan tâm lớn nhất và diễn ngôn là một mắt xích quan trọng để tìm hiểu hai yếu tố này. Với nghiên cứu của Foucault, “cả tri thức và quyền lực đều chỉ có thể được tạo ra, được hiện thực hóa, được vận hành và phân phối bởi và trong diễn ngôn”⁽⁶⁾. Foucault nhấn mạnh vai trò của tri thức vì “tri thức là sản phẩm được tạo ra bởi các diễn ngôn. Và bởi đằng sau diễn ngôn là quyền lực, cho nên, tri thức mà chúng ta có là kết quả của các mâu thuẫn về quyền lực. Và diễn ngôn là chiến trường nơi diễn ra các cuộc giao tranh nhằm giành quyền phát ngôn chân lý, quyền tuyên bố cái gì được coi là tri thức. Toàn bộ tri thức mà chúng ta có, thực chất là kết quả của quá trình chinh phục các đối tượng, dùng quyền lực để áp đặt thước đo chuẩn mực lên đối tượng”⁽⁷⁾. Những nhận định trên cho thấy, về mặt chức năng, tri thức hệ có vai trò như một thứ khung khổ vừa cho phép con người nhận thức thế giới, vừa giới hạn tư duy con người. Trường tri thức hệ nước ta trong giai

đoạn lịch sử sau 1975 tác động rất lớn đến diễn ngôn của giới văn nghệ sĩ nói chung và các nhà văn nói riêng.

Sau chiến tranh, bối cảnh xã hội mới đã thúc đẩy sự thức tỉnh, trỗi dậy của ý thức cá nhân. Những vấn đề cá nhân, riêng tư từ trước bị kìm nén, giấu trong cái chung, cái cộng đồng đã được các nghệ sĩ khai thác và đào sâu. Ngoài những cảm hứng thế sự, đời tư, hành trình sáng tạo của các văn nghệ sĩ đã có những thay đổi. Nhiều tác giả còn có nhu cầu nhìn lại quá khứ của bản thân, đánh giá lại một thời đại lịch sử đã qua, những sự thật khuất lấp trong xã hội, hay đối diện với sự tồn tại của chính mình. Bên cạnh đó, với xu hướng dân chủ hóa, ý thức khám phá thực tại và thức tỉnh ý thức về sự thật, nhiều tác giả lựa chọn hồi ký, tự truyện để hồi cố lại những gì bản thân đã trải qua trong quá khứ, trở về với hiện thực của bản thân mình, kể về những kỷ niệm, ký ức, trải nghiệm của chính mình. Điều này cho thấy, với tư tưởng nhân bản, sự thức tỉnh của ý thức cá nhân “con người trong văn học hôm nay được nhìn ở nhiều vị thế trong tính đa chiều của mọi mối quan hệ: con người với xã hội, con người với lịch sử, con người của gia đình, gia tộc, con người với phong tục, với thiên nhiên, với những người khác và với chính mình”⁽⁸⁾. Đây chính là kết quả của những biến đổi trong nhận thức xã hội về con người cá nhân trong quá trình dân chủ hóa, hội nhập và toàn cầu hóa.

Trong bối cảnh đó, Nguyễn Khải ở tuổi 73 đã cho ra đời *Thương để thì cười* như một minh chứng cho sức sống, sự sáng tạo dồi dào của mình. Tác phẩm là chuỗi những sự kiện, vấn đề có dấu ấn trong cuộc đời Nguyễn Khải. Ông có một nỗi ám ảnh tuổi thơ dai dẳng, hằn sâu trong tâm trí đó là nỗi đau của một đứa con thêm, con thừa, đứa con bị khinh bỉ, ruồng bỏ. Vì vậy, cách mạng đã đem luồng gió tự do đến bên cuộc đời “hắn” – Nguyễn Khải. Hắn một lòng đi theo cách mạng, “hắn” sợ đắc tội với Nhà nước, với Đảng, với các tổ chức, với bạn bè “hắn”. Được tham gia cách mạng là ngày hội lớn trong lòng “hắn”. Từ vai trò một anh viết báo ở địa phương, “hắn” được cấp trên ưu ái cho vào quân doanh của bộ đội chủ lực để làm báo. Rồi được cục tuyên huấn triệu tập về viết truyện anh hùng. Kể từ đó “hắn” đường hoàng bước chân vào văn đàn và bắt đầu những thành công trong sự nghiệp cầm bút. “Hắn” hăng hái lao vào tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo với những cảm hứng từ đời sống chiến tranh. Với niềm tin và lý tưởng đi theo con đường Cách mạng do Đảng lãnh đạo, “hắn” hào hứng viết về cuộc đấu tranh sôi nổi của dân tộc. “Hắn” cố gắng dốc hết sức mình để đem ngòi bút phục vụ cho chính trị, cho cách mạng.

Giai đoạn đầu, các tác phẩm của “hắn” – Nguyễn Khải hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của thời đại. Tác giả tập trung chuyển tải những vấn đề cốt lõi về đường lối,

chính sách của Đảng về nông thôn, cách mạng... Sang đến giai đoạn sau, “hắn” lại quan tâm hơn đến những số phận cá nhân, giá trị đời thường. Từ khi đi sâu, khám phá thấy được những bề bộn, phức tạp của đời sống, Nguyễn Khải bắt đầu muốn được thể hiện giải bày những điều mình trăn trở. Nhưng trong sáng tác, nhà văn còn chịu những ảnh hưởng, tác động của cơ chế, thể chế lúc bấy giờ và “hắn nhận ra cách tiếp nhận sự thật giữa người cầm quyền và người cầm bút có những điểm khác nhau”. Vì vậy, có những điều tác giả muốn viết, muốn thể hiện tâm tư của mình nhưng lại ngấp ngừng. Nếu *Xung đột* (phần 1) được hoan nghênh vì tác giả đứng ở lập trường chính trị để giải quyết vấn đề một cách rõ ràng giữa địch – ta, giữa xấu – tốt thì đến *Xung đột* (phần 2), tác giả xây dựng nhân vật Thụy, một cán bộ trung kiên bị sức mạnh của đồng tiền làm tha hóa, tác phẩm lại không được đánh giá cao, bị chê là bôi nhọ cán bộ, viết sai sự thật và khiến cho người lãnh đạo trong giới văn nghệ đâm bối rối khi đánh giá “hắn”. “Hắn” cố gắng điều chỉnh lối viết của mình cho phù hợp với định hướng văn nghệ của Đảng cũng là để đem đến kết quả tốt nhất cho công việc của mình, bởi vậy “hắn luôn tinh táo, biết tự kiềm chế trong cái chừng mực, câu chữ dùng cũng chặt chẽ, dẫn đo theo kiểu văn tuyên huấn (...) nên mới dành được cho mình sự yên tĩnh cần thiết khi làm nghề”.

Với Nguyễn Khải thì tuổi và thời thế là quan trọng nhất. Thời thế, cách mạng đã đưa “hắn” – Nguyễn Khải đến với nghiệp văn. Vì thế, “hắn” tuyệt đối trung thành với chủ trương, đường lối của Đảng và Hội Nhà văn. “Hắn” làm đúng với lương tâm nghề nghiệp. “Hắn” tự nhận là một nhà văn: “sợ đụng chạm tới quyền vua phép nước, vốn thích sống an phận thủ thường”. Nguyễn Khải cho rằng mình không thích quyền lực, không hợp với những chuyện hợp hành chính trị. Nhưng rồi duyên cơ “hắn” lại có chân ở vị trí rất cao trong giới quyền lực, thậm chí “hắn” còn trúng cử đại biểu Quốc hội khóa VIII. Với vị trí này “hắn” đã cảm nhận và khám phá được nhiều điều thú vị về giới quyền lực. Với khả năng quan sát của mình, hắn nhận ra nhiều điều làm hắn bất ngờ “quốc hội là nơi giao dịch, thương lượng, quyết định nhiều việc mà hệ thống các tổ chức nó buộc phải thông qua có khi kéo dài cả năm, cả mấy năm”.

Tồn tại trong thời buổi kinh tế thị trường, quyền lực, tiền tài quyết định tất cả, khi vào đất Sài Gòn, “hắn” mới thấy nhà văn chẳng được coi trọng. “Hắn” nhận ra giá trị của đồng tiền đôi khi có thể đánh đổi nhân phẩm của con người, “hắn” thấy: “những người có tiền, có quyền thường coi thường hắn, khinh rẻ hắn, dẫu hắn là một đại tá nhà văn”. Thời gian ở Sài Gòn, “hắn” sống trong cảnh khó khăn, túng thiếu. Vì thế, “hắn” luôn tìm nhiều cách kiếm tiền như viết thuê, viết truyện trình

thám, truyện gián điệp,... Dù cuộc đời đổi thay, “hắn” vẫn giữ được nhân cách, quan điểm, tư tưởng của một nhà văn: “Đổi thế, túng thế mà vẫn viết được năm cuốn sách tiếp tục một phong cách, tiếp tục một dòng tư tưởng, chính hắn cũng phải tự khen sống thế là được, viết thế cũng là được, có thể chưa hay nhưng không tổn hại đến nhân cách một cây bút”.

Qua những việc “hắn” – Nguyễn Khải làm, có thể thấy để giữ được nhân cách trong xã hội, đặc biệt với một cơ chế quyền lực nhiều ràng buộc không phải việc dễ dàng. Điều này đòi hỏi nhà văn phải có bản lĩnh, luôn trung thành với niềm tin, với lý tưởng trên con đường mình đã chọn. Vì vậy, Nguyễn Khải vẫn luôn chưa bao giờ bằng lòng với chính mình. Ông luôn băn khoăn, trăn trở về những giá trị trong tác phẩm của mình và ông cố gắng sống và viết cho thật sự xứng đáng với sự tin yêu của bạn đọc.

2. Diễn ngôn của cái tôi suy tư, chiêm nghiệm, triết luận về cuộc đời và nghề văn

Theo Bakhtin, nếu phát ngôn mang đậm sắc thái cá nhân, thể hiện phong cách của các chủ thể phát ngôn khác nhau, thì thể loại lời nói đại diện cho phong cách ngôn ngữ của mỗi thời đại, mang tính chất cộng đồng, xã hội, là cái có trước, chi phối phát ngôn của các cá nhân. Xét về mặt tư tưởng, triết luận cũng như một dạng thức của lời nói thể hiện sự triết lý, luận bàn những vấn đề của đời sống, xã hội, và chính nó tạo nên khuynh hướng riêng trong sáng tác của các nhà văn. Đối với *Thượng đế thì cười*, diễn ngôn triết luận là diễn ngôn chủ đạo thể hiện rõ những suy tư, chiêm nghiệm đầy tính triết lý của cái tôi tác giả về những vấn đề nhân sinh, xã hội, nghề nghiệp.

Diễn ngôn của cái tôi suy tư luôn muốn khẳng định mình

Trong *Thượng đế thì cười*, “hắn” – Nguyễn Khải luôn thầm cảm ơn cuộc đời cho mình nhiều thời gian quý báu để sống và viết. Từ thân phận cô đơn của một đứa con ghê, bị ruồng bỏ, thời thế đã cứu “hắn” thoát khỏi cái nhục ấy và đưa đến cho “hắn” một chân trời mới, chân trời của sáng tác, nơi “hắn” có thể khẳng định được bản thân mình: “Nếu không có cuộc cách mạng giải phóng dân tộc năm 1945 thì chắc hẳn mãi mãi hắn chỉ là đứa con thêm con thừa, đứa con bỏ đi của một dòng họ (...). Cũng là may hắn lại chọn được cái nghề làm báo, viết văn để dần dần tự cải tạo mình qua những tính cách mạnh mẽ, quyết liệt của những nhân vật hắn ái mộ”. Nhờ có cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, “hắn” được tự do, tự tin sống giữa cuộc đời. “Hắn” thoát khỏi ám ảnh là một đứa trẻ bị ruồng bỏ, học hành dang dở, tính cách yếu đuối với thân phận hèn mọn. Từ đây, “hắn” được đi nhiều nơi,

tiếp xúc với nhiều người. Bắt đầu năm 26 tuổi, “hắn” đã bắt đầu có tên tuổi trong làng văn. Mọi người dần biết “hắn” và ghi nhận những khả năng, sự sáng tạo của “hắn”. Cuộc sống của “hắn” đã sang trang. Thành công của “hắn” ở tiểu thuyết *Xung đột* (phần 1) đã cho thấy một ngòi bút tự tin, có chí hướng, dám nghĩ, dám viết độc lập. “Hắn” ý thức về khả năng của mình để tồn tại trong một tập thể phải khôn ngoan. “Hắn” sống dần hòa, nhân nhượng, biết mình biết ta, cố gắng không phật ý và phiền lòng người khác. “Hắn” tập trung thời gian và sức lực cho sáng tác. Đối với “hắn”, thời gian sáng tác là thời gian “hắn” cảm thấy hạnh phúc nhất. “Hắn” được thể hiện năng lực của chính mình, được tung tẩy ngòi bút với những cảm hứng sáng tạo sau các chuyến đi thực tế.

Tuy vậy, cuộc sống đa diện, muôn màu, “hắn” càng thâm nhập vào thực tế thì càng nhận ra sự khắc nghiệt của cuộc đời, “hắn” càng trần trụi những khi “hắn” muốn viết những điều mình thấy, những điều của hiện thực trước mắt kia nhưng khi viết lại không thể hiện hết những suy nghĩ của mình. Những cái kết thúc có hậu trong *Chủ tịch huyện* hay *Cha và Con và...* cũng chỉ là những kết thúc nhân nhượng, dần hòa của “hắn”. Vì vậy, hơn 50 năm cầm bút, cho đến cuối đời “hắn” cứ luôn băn khoăn, day dứt không biết những tác phẩm mình cho ra đời có phải là những tác phẩm có giá trị hay không. Nỗi niềm của “hắn” gửi vào những tác phẩm giai đoạn cuối đời. Thấp thoáng sau đó là những tâm sự của kẻ sám hối, tự thú, tự giễu chính mình.

“Hắn” đã dành mọi tình cảm của mình cho nghề viết văn. “Hắn” đã khẳng định được mình trên văn đàn và “hắn” luôn thầm cảm ơn ông trời đã dành cho mình nhiều cơ hội. Vì vậy, “hắn” càng phải cố gắng sống tốt và viết tốt để xứng đáng với những gì “hắn” đã được nhận và đặc biệt là với tình cảm mà độc giả dành cho “hắn”. “Hắn” rút ra một triết lý sâu sắc chất lọc bằng kinh nghiệm cả đời người: “Trách nhiệm của chính nhà văn là phục vụ con người, là bằng tài năng của mình tháo bỏ mọi tinsel điều, mọi trói buộc để con người được nghỉ ngơi tự do hơn, hành động tự do hơn, để họ có thể huy động toàn bộ ý chí và năng lực của họ vào cái sự nghiệp mà họ đang ấp ủ. Cái đó gọi là nghệ thuật phục vụ nhân sinh”. Cuối đời, “hắn” vẫn còn rất trần trụi với cái nghiệp văn của mình, “hắn” luôn muốn viết được tác phẩm trở thành kiệt tác, những nhân vật của “hắn” trở thành bất tử, nhưng chẳng có công thức nào tạo nên sự bất tử, nhất là địa hạt văn chương, do vậy, “hắn” triết luận thật sâu sắc: “Sống thông qua số phận các nhân vật của mình đâu phải là đã sống, không sống đến triệt để, đến tận cùng làm sao viết được những câu văn đời người, mãi mãi còn gây thắc mắc cho nhiều thế hệ bạn đọc. Một nhà văn thành

công một đời chưa hẳn đã là thành công, chỉ là một viên chức nhà nước với những thành công vật vãnh trong cái nghề của anh ta, trong phòng giấy của anh ta, một thứ văn chương giống như đời người mà chưa hẳn là đời người, một đời người chỉ cần một trăm trang sách, là máu, là nước mắt một đời trút vào đó, chứ máu đã bôi lên vài ngàn trang sách lại là máu loãng rồi, máu pha nước lã rồi, máu nhân tạo rồi”.

Qua những tâm sự của “hắn” - Nguyễn Khải, người đọc nhận thấy một nhà văn đầy trách nhiệm với nghề, với cuộc đời. Ông luôn muốn khẳng định những cố gắng, đóng góp của mình cho nghiệp văn chương, khát khao đi đến cùng những bí mật đời sống để đem đến những trang văn giàu giá trị hiện thực phục vụ cho bạn đọc.

Diễn ngôn của cái tôi triết luận về lẽ sống đời người

Nguyễn Khải dành nhiều cảm xúc suy tư của mình cho đứa con xấu số. Những trang viết về cậu con trai của mình là trang xúc động nhất và cũng là những trang viết giàu tính triết lý nhất. Cậu con trai đuối ở sông Hồng đã giáng một đòn nặng nề lên những ảo tưởng, những tham vọng của người cha và làm “hắn” thay đổi cách nhìn về cuộc sống. “Hắn” nhận ra hạnh phúc, bất hạnh chỉ giữ riêng cho mỗi người: “Hạnh phúc không thể chia bớt với ai khác, bất hạnh cũng thế, phúc ai nấy hưởng, tội ai nấy chịu, mỗi người là một nắm mồ với niềm vui và nỗi buồn của riêng họ”. “Hắn” còn nghiệm ra rằng đời với đời người nếu được quá nhiều cũng không phải là tốt, chớ vội vui mừng, tự mãn trước thành công, bởi “ở đâu chả có sự ngông cuồng nào lại không bị trừng phạt, chả có sự mãn nguyện nào lại không bị trả giá”. “Hắn” bắt đầu biết sợ quy luật quả báo, luật bù trừ của ông trời. “Hắn” hiểu cái được của ngày hôm nay sẽ là cái phải trả giá trong ngày mai, vì vậy cần bớt ngông nghênh, dương dương tự đắc. Đó là điều mà Nguyễn Khải luôn tự nhắc nhở mình, lời nhắc thầm suốt chiều dài câu chuyện được kể.

Không chỉ vậy, Nguyễn Khải còn ngẫm nghĩ nhiều về vai trò của gia đình. Theo “hắn” dù cuộc sống có biến động nhưng nếp nhà phải giữ gìn. Nếp nhà có giữ thì gia đình mới bền vững, mọi người mới yêu thương, quan tâm đến nhau. Sống gần hết cuộc đời ông mới nghiệm ra rằng dù thời thế có thể thay đổi vị trí xã hội của hắn nhưng không thể thay đổi nếp nhà của “hắn”... Với con cái, ông cũng dành những những dòng tâm sự đầy chất triết lý: “con cái với tuổi già là tất cả, nó bỏ mình tức là cả cuộc đời của mình đã rời bỏ mình. Ở nó mình đã nuôi trồng chăm bón bằng tất cả máu huyết của mình, tất cả hãnh diện và hy vọng một đời, chúng nó quay lưng lại thì mình chỉ còn là

cái túi rỗng rách chứ còn gì nữa. Cũng như tình yêu với tuổi trẻ là tất cả. Tuổi trẻ có thể chết vì sự tan vỡ của một cuộc tình”.

“Hắn” luôn tự nhận mình là người gặp thời, được ưu ái, tin tưởng nên hay gặp may, nhưng bản thân “hắn” lại thích được nói chuyện với những người thiếu may mắn. Với “hắn”, họ là những tấm gương nghị lực, bản lĩnh nhất. “Hắn” triết luận về sức mạnh tiềm tàng, ẩn dấu trong mỗi con người đầy tinh tế: “... cái sức mạnh ẩn dấu trong mỗi con người là vô cùng, cái sức mạnh ấy có thể sánh ngang với Thượng đế, nhưng chỉ bộc lộ hoàn toàn khi lâm vào những cảnh ngộ mười phần bế tắc; hoặc là chết hoặc trở thành người mãi mãi không thể đánh bại”.

Qua những diễn ngôn triết luận về lẽ sống đời người, người đọc thấy được một Nguyễn Khải thật sắc sảo, tinh tế, thông minh và đầy nhạy cảm với những vấn đề cuộc sống phức tạp và bề bộn.

Diễn ngôn triết luận về nghệ văn

Là một nhà văn luôn sôi sục, tâm huyết với nghề, Nguyễn Khải luôn ý thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của văn học nước nhà. Những trang viết của Nguyễn Khải dù ở thể loại nào cũng chứa đựng những vấn đề chính luận, những vấn đề thời sự nóng hổi, mang tinh thần của thời đại với những nhân vật tư tưởng sâu sắc.

Những năm đất nước bị chiến tranh, Nguyễn Khải nhận thức rõ vai trò của một nhà văn – chiến sĩ, ông lao vào tham gia công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nguyễn Khải thâm nhập vào thực tế cuộc sống chiến đấu, lao động sản xuất của bộ đội và nhân dân ta. Từ đó, Nguyễn Khải cho ra đời những tác phẩm giàu giá trị nhân bản trong việc khám phá những vẻ đẹp bình dị, chất phác nhưng đầy phi thường của những con người sống, chiến đấu, làm việc trong thời kỳ mưa bom bão đạn. Những vấn đề bức thiết của đời sống được nhà văn phản ánh như vấn đề nông nghiệp nông thôn miền Bắc, vấn đề cải cách ruộng đất, phong trào hợp tác hóa, công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vấn đề tôn giáo,... Với những vấn đề nóng hổi của thời đại đó, Nguyễn Khải đã cho ra đời hàng loạt tác phẩm có giá trị gửi đến đọc giả mọi miền như: *Xung đột*, *Mưa lạc*, *Chú tịch huyện*, *Hãy đi xa hơn nữa*, *Ra đảo*, *Họ sống và chiến đấu*,...

Trong những năm tháng đó, Nguyễn Khải xông pha không biết mệt mỏi trong các chiến trường chiến đấu và sản xuất, đưa văn học vào cuộc đấu tranh của dân tộc. “Hắn” – Nguyễn Khải viết không biết mệt mỏi, nhiều tác phẩm liên tiếp ra đời. Viết cũng là cách để Nguyễn Khải làm tròn trách nhiệm của mình với đất nước, với cách mạng, vì thế Nguyễn Khải luôn là người tiên phong, xông xáo, không quản

ngại gian khổ để tìm ra cảm hứng sáng tác. “Hắn” đồng ý cho rằng: “người viết văn không có mặt ở nơi đầu súng ngọn gió thì biết gì về đồng đội, về nhân dân đang dốc toàn lực cho cuộc chiến đó”.

Sau 1975, đất nước ta hoàn toàn độc lập, đời sống chính trị, kinh tế, xã hội có nhiều biến chuyển. Nếu trong điều kiện chiến tranh, ngòi bút của nhà văn làm nhiệm vụ đặc biệt, chủ yếu phục vụ cho chính trị thì bước sang giai đoạn mới, ngòi bút của nhà văn không chỉ hướng đến phản ánh hiện thực đời sống mà còn đi sâu vào những vấn đề tư tưởng, đòi hỏi sự suy ngẫm, tìm tòi những thể nghiệm mới. Trong điều kiện mới, văn chương của Nguyễn Khải vẫn luôn bám theo dòng chảy cuộc đời nhưng vẫn có những sáng tạo với cách tiếp cận mới. Từ khuynh hướng chính luận trong thời kỳ chiến tranh, ngòi bút Nguyễn Khải chuyển sang khuynh hướng triết luận. Với sự thay đổi này, sáng tác của ông thể hiện rõ hơn số phận riêng tư của cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng. Ông thâm nhập vào từng ngõ ngách của cuộc sống, thăm thía từng hơi thở của thời kỳ hiện đại với biết bao thân phận, với những toan tính về miếng cơm manh áo, về sự được - mất, tiền tài, danh vọng, ... Và từ đó, một loạt những tác phẩm đầy chất triết lý ra đời như: *Một người Hà Nội*, *Cha và Con và...*, *Một cõi nhân gian bé tí*, *Gặp gỡ cuối năm*, *Thượng đế thì cười*, ... Những tác phẩm sau 1975 của Nguyễn Khải hướng ngòi bút đến những vấn đề gần gũi với đời sống, khám phá sự thật đời sống với biết bao bề bộn, phức tạp của nó. Văn chất giọng đầy tự tin nhưng đâu đó trong văn Nguyễn Khải đã có sự giấu mình, lời kể chuyện cũng trở nên suy tư hơn, triết luận hơn với những vấn đề nhân sinh, xã hội. Trong *Thượng đế thì cười*, “hắn” ý thức rất rõ “sự từng trải mới của hắn chỉ rõ cho hắn phải viết cái gì, viết như thế nào để những người trẻ tuổi hôm nay vẫn là bạn đọc của hắn, vẫn mong chờ hắn, vẫn tìm được cái họ cần trong trang văn của hắn”. Giọng văn đầy tính triết luận của Nguyễn Khải thể hiện rõ quan điểm cá nhân, mong muốn đổi mới bút pháp để hướng ngòi bút vào những sự thật đời thường, những số phận nhỏ bé trong xã hội bộn bề phức tạp, bon chen.

Trong *Thượng đế thì cười*, “hắn” – Nguyễn Khải đã kể lại rất chân thành những chuyện đi thực tế của “hắn”. “Hắn” gặp những tấm gương người thật việc thật – nguồn cảm hứng vô tận cho những sáng tác về cuộc đời và con người thời kỳ sau chiến tranh. Đó là lần “hắn” có dịp đến thăm một cặp vợ chồng thương binh, anh chồng với gương mặt biến dạng, cô vợ thì cụt một cánh tay, nhưng họ đã cho ra đời bốn đứa con rất khỏe mạnh, xinh đẹp như thuộc gia đình khác, dòng giống khác. Hình tượng đó tạo cảm hứng để “hắn” viết truyện ngắn *Một bàn tay và chín*

bàn tay. Truyện ngắn được giải thưởng của Bộ Quốc phòng và được bạn đọc đón nhận nhiệt tình. Sau buổi gặp gia đình vợ chồng thương binh, “hắn” nghĩ như một triết nhân: “Sức mạnh tái sinh của con người ta có thể sánh ngang với trời đất thật. Từ một đồng thịt rửa nát chỉ để nuôi giòi, nuôi giun, bón đất mà thành một cơ nghiệp, một dòng họ và một tình yêu để lại mãi mãi cho hậu thế”.

Cuộc sống vốn khắc nghiệt, nhiều chiều, “hắn” – Nguyễn Khải hiểu rõ nếu là một nhà văn chân chính thì phải làm tròn trách nhiệm với nghề. Những sáng tác phải phản ánh đúng bản chất của hiện thực, thể hiện được những nhân vật có lý tưởng, bản lĩnh. Tuy nhiên, thực tế cuộc sống không phải luôn là những gam màu sáng. Trong tác phẩm của mình, “hắn” luôn muốn nhân vật có sự phân minh rạch ròi, tốt - xấu, đúng - sai, nhưng có những nhân vật không thể thực hiện điều đó. Ông nhà báo tinh trong truyện ngắn *Lạc thời khó* có điều kiện để thực hiện mong ước của mình. Khát vọng lớn lao của ông phải đối mặt với thực tế khắc nghiệt. “Hắn” nhìn ra mặt trái đời sống trong thời kỳ mới, những kẻ trốn chạy ngày xưa giờ đây trở thành ông chủ bóc lột chính đồng đội cũ. Bóng dáng của những cường hào ác bá ngày xưa vẫn tồn tại.

Mãi đến lúc cuối đời, “hắn” – Nguyễn Khải vẫn day dứt không biết mình làm tròn trách nhiệm của nhà văn chưa. Điều đó chứng tỏ Nguyễn Khải vẫn luôn là một nhà văn đầy tâm huyết, luôn đề cao trách nhiệm của người cầm bút với cuộc đời.

Bên cạnh những trăn trở về sự trung thực trong sáng tác, “hắn” còn luôn suy ngẫm về những cống hiến của mình đến cuối đời có giá trị hay không. “Hắn” luôn ý thức cao về thiên chức cầm bút của mình, chấp nhận sự thiếu sót trong các tác phẩm để tự rèn giũa, tự nhận thức lại chính mình. “Hắn” luôn cảm thấy mặc cảm vì chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình, đôi khi không phản ánh đúng hiện thực. Trong *Thượng đế thì cười*, “hắn” cũng tự thú đã nói oan và viết oan cho hai người bạn mà “hắn” còn nhớ, đó là Trần Kim Trác và Vũ Bảo. Sau này, với Vũ Bảo, “hắn” phải nói lời xin lỗi công khai trước Đại hội Hội Nhà văn. Tuy nhiên, lòng “hắn” đã cảm thấy nhẹ nhõm, tâm trạng thư thái. “Hắn” triết lý: “Là người biết nghĩ thì đã làm việc làm lỗi phải biết nói lời xin lỗi, phải biết xin những người bị hàm oan mở lòng tha thứ và sẵn sàng chịu nhận những lời mắng mỏ, chửi rủa không chút oán hận”.

Như vậy, “hắn” – Nguyễn Khải cho đến cuối đời vẫn giữ được cốt cách, cái tâm của nghề cầm bút. “Hắn” vẫn luôn lo lắng trăn trở với sự trung thực với chính mình trong sáng tác, ngoài ra, “hắn” còn là nhà văn luôn biết chấp nhận với những thiếu sót của mình trong tác phẩm cũng như cuộc sống để điều chỉnh chính mình, sống chan hòa, yêu thương mọi người hơn.

3. Kết luận

Với cách tiếp cận theo lý thuyết diễn ngôn của Foucault, chúng ta thấy được sự chi phối của trường tri thức và các yếu tố quyền lực đến diễn ngôn triết luận trong *Thượng đế thì cười*. Bên cạnh đó, cách tiếp cận theo lý thuyết của Bakhtin về thể loại lời nói đã cho thấy được khuynh hướng triết luận, xét về mặt tư tưởng như một dạng thức của lời nói thể hiện trong đó tinh triết lý, luận bàn sâu sắc về lẽ sống và nhân sinh thường trực trong những sáng tác của Nguyễn Khải giai đoạn đổi mới, đặc biệt trong *Thượng đế thì cười*. Qua diễn ngôn triết luận, Nguyễn Khải cho thấy được cái tôi luôn suy tư, chiêm nghiệm về cuộc đời, về quy luật tồn tại của con người. Cái tôi ấy luôn muốn khẳng định những khả năng, đóng góp của mình và luôn thể hiện được sự sắc sảo, tinh tế trong cách nhìn nhận những vấn đề về nhân sinh, về lẽ sống chết, về nghiệp cảm bút. Tác phẩm còn thể hiện sự băn khoăn, day dứt, sám hối của tác giả về cách đối xử với bạn bè, đồng nghiệp, gia đình, về cách viết khi chưa dám viết hết những gì mình đã thấy, đã nghĩ, về những tác phẩm của mình có thật sự giá trị hay không?

Bằng tâm huyết của một nhà văn chân chính và hành trình sáng tạo không mệt mỏi, Nguyễn Khải đã xây dựng thành công một thế giới nghệ thuật đa màu sắc, mang hơi thở của thời đại với tính chính luận và triết luận sâu sắc. Những tác phẩm của ông sẽ mãi đồng hành trong hành trang của nhiều thế hệ hôm nay và mai sau □

(1) Nguyễn Khải: *Thượng đế thì cười*. (Tái bản). Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2012. Các trích dẫn tác phẩm đều theo sách này.

(2) Trần Đình Sử: *Khái niệm diễn ngôn trong nghiên cứu văn học hôm nay*, nguồn: <https://trandinhhu.wordpress.com/2013/03/04/khai-niem-dien-ngon-trong-nghien-cuu-van-hoc-hom-nay/>

(3)(5) (6) (7) Nguyễn Thị Ngọc Minh: *Ba cách tiếp cận khái niệm diễn ngôn*, nguồn: <http://phebinhvanhoc.com.vn/ba-cach-tiep-can-khai-niem-dien-ngon/>

(4) Trần Thiện Khanh: *Bước đầu nhận diện diễn ngôn, diễn ngôn văn học, diễn ngôn thơ*, nguồn: <https://vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/buoc-dau-nhan-dien-dien-ngon-dien-ngon-van-hoc-dien-ngon-tho>

(8) Nguyễn Văn Long – Lê Nhâm Thìn (Đồng Chủ biên): *Văn học Việt Nam sau 1975 – Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*. Nxb. Giáo dục, H., 2006, tr.16.